TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 4411/2024/DS-ST
Ngày: 18 - 9 -2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Đăng Vạn
2. Ông Mai Thanh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1311/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6946/2024/QĐXXST–DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Nhật Kinh Kha

Địa chỉ : 278 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà LTP

Địa chỉ: 87/5 tổ 13, khu phố 1, phường TNPA, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Sacombank) và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/09/2007, bà P có ký với Sacombank Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế, hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2,10%/ tháng (Sacombank có thể thay đổi mức lãi suất mà không thông báo trước

cho khách hàng). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Sacombank số tiền 3.232.880 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 7 của Hợp đồng, cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước

+ Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước

+ Giao dịch thanh toán của kỳ trước

+ Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ

+ Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ

+ Giao dịch mua thanh toán trong kỳ

Từ ngày 31/05/200/8, bà P đã ngừng thanh toán cho Sacombank. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà P vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 4 của Hợp đồng), ngày 01/04/2010 Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 7 của Hợp đồng). Sacombank đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 92.623.383 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Tính đến ngày 18/09/2024, bà P còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong sao tóm tắt đính kèm):

• Nợ gốc : 92.623.383 đồng

• Lãi quá hạn : 428.322.825 đồng

- Tổng cộng: 520.964.208 đồng

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 92.623.383 đồng với lãi suất quá hạn là 2,625%/ tháng (1,75%* 150%)/tháng từ ngày Sacombank chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Sacombank đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà P, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Sacombank cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên bà P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Sacombank, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, Sacombank yêu cầu Tòa giải quyết:

1. Buộc bà P phải trả ngay cho Sacombank tổng số tiền tạm tính đến ngày 18/09/2024 là 520.964.208 đồng (Năm trăm hai mươi triệu, chín trăm bốn mươi sáu nghìn, hai trăm lẻ tám đồng), trong đó:

Nợ gốc : 92.623.383 đồng

Lãi quá hạn : 428.322.825 đồng

2. Và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 19/09/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn bà LTP đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi cũng như không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Nhật Kinh Kha vắng mặt.

Bị đơn bà LTP vắng mặt;

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thủ Đức: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, thủ tục tố tụng là đúng theo quy định pháp luật. Về thời hạn giải quyết: Tòa án đưa vụ án ra xét xử trễ hạn theo quy định.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Sacombank khởi kiện bà LTP, địa chỉ tại thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phải trả cho Sacombank số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/9/2007 nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Nhật Kinh Kha có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà LTP được Tòa án tống đạt hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Kha và bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Bị đơn bà P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi cũng như không nộp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 và khoản 4 Điều 91, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Xét Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/9/2007 giữa Sacombank với bà LTP có nội dung bà P được sử dụng thẻ tín dụng do Sacombank phát hành với hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; lãi suất vay trong hạn là 2,10%/tháng (lãi suất có thể được thay đổi mà không thông báo trước cho khách hàng), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Thỏa thuận giữa Sacombank và bà P phù hợp với quy định tại các điều 49, 51 Luật các tổ chức tín dụng 1997 nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Căn cứ theo Bảng tóm tắt sao kê giao dịch ngày 18/9/2024, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 20.000.000 đồng. Bà P đã thanh toán cho Sacombank số tiền 3.232.880 đồng. Đến ngày 31/05/2008, bà P ngừng thanh toán. Như vậy, bà P đã vi phạm thỏa thuận của các bên về nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/4/2010, Sacombank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại khoản 2, khoản 3 Điều 7 của Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/9/2007 và khoản 1 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng 1997.

Theo Bảng sao kê giao dịch do Sacombank cung cấp thì bà P đã trả cho Sacombank được 3.232.880 đồng. Tính đến ngày 18/9/2024, bà P còn nợ Sacombank các khoản sau: Vốn gốc: 92.623.383 đồng; lãi quá hạn: 428.332.825 đồng, tổng cộng: 520.946.208 đồng.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 54 Luật các tổ chức tín dụng 1997, Hội đồng xét xử nhận thấy Sacombank khởi kiện yêu cầu bà P phải trả toàn bộ số tiền còn nợ là 520.946.208 đồng, trong đó: nợ gốc: 92.623.383 đồng; lãi quá hạn: 428.332.825 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải nộp 20.000.000 đồng + 120.946.208 đồng x 4% = 24.837.849 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Sacombank số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.046.022 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0007373 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Đều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các điều 49, 50, 51, 54 Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín buộc bà LTP phải trả toàn bộ số tiền còn nợ theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/9/2007 gồm nợ gốc: 92.623.383 đồng; lãi quá hạn: 428.332.825 đồng, tổng cộng: 520.946.208 đồng cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín.

Kể từ ngày 19/9/2024, bà LTP phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà LTP phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 24.837.849 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trả lại cho Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.046.022 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2022/0007373 ngày 16/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án NDTPHCM;
- Viện KSND TP. Thủ Đức;
- CCTHA DS TP. Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT

Trương Thị Thu Hiền